

Số: 114/BVUB-HĐMS
V/v yêu cầu báo giá

Thanh Hoá, ngày 21 tháng 01 năm 2026

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các nhà đơn vị thi công

Bệnh viện Ung bướu tỉnh Thanh Hoá có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá dự toán mua sắm: Thi công sơn lại các vị trí tường ô mốc, bong tróc tại Bệnh viện Ung bướu Thanh Hoá 2026, nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Ung bướu tỉnh Thanh Hoá
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
 - Họ và tên: Trần Thị Thuý Linh
 - Số điện thoại liên hệ: 0977.116.394
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Báo giá gửi về địa chỉ: Bộ phận văn thư, Bệnh viện Ung Bướu tỉnh Thanh Hóa, Ngõ 958 đường Quang Trung, Phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá
 - Ghi rõ nội dung: Báo giá chi phí gói thầu: Thi công sơn lại các vị trí tường ô mốc, bong tróc tại Bệnh viện Ung bướu Thanh Hoá 2026.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: từ ngày 21/01/2026 đến trước 17 giờ 00 ngày 30/01/2026.
 - Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 30 ngày kể từ ngày phát hành báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

- Danh mục hàng hoá, dịch vụ: Có phụ lục đính kèm.
- Địa điểm cung cấp hàng hoá, dịch vụ: Bệnh viện Ung bướu tỉnh Thanh Hoá.
- Thời gian dự kiến: 2026
- Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: căn cứ theo hợp đồng ký kết.
- Yêu cầu khác: Giá trong báo giá đã bao gồm thuế VAT và các chi phí liên quan khác.
- Yêu cầu kỹ thuật:
 - Đối với các vị trí tường bị bong tróc, thấm tường:

- Các vị trí ổ móc, bong tróc trước khi sơn phải được đánh, chà vệ sinh sạch sẽ trước khi sơn lớp sơn chống kiềm(chống thấm nếu vị trí bị bong tróc, ổ móc do thấm dột).

- Các vị trí sơn đỏ lớp sơn phải theo tuần tự từ lớp chống thấm, bả ma tít, 02 lớp sơn lót, 02 lớp sơn màu hoàn thiện.

6.2. Vị trí tường cũ, ổ bần:

- Yêu cầu vệ sinh tường sạch sẽ trước khi sơn, sơn lại 02 lớp lót, 2 lớp màu.

6.3. Yêu cầu chung về màu sơn:

- Các vị trí sơn màu phải phù hợp với màu hiện trạng. Nhà thầu phải pha chế màu sơn sơn thử màu trước xem khi màu hoàn thiện có giống màu sơn thực tế hiện trạng không thì mới tiến hành sơn tổng thể toàn bộ khu vực cần sơn.

Ghi chú: Gói thầu thi công trọn gói nên Nhà thầu chịu trách nhiệm về vật liệu, nhân lực, giàn giáo, trang thiết bị phục vụ công việc đính kèm....., đảm bảo an toàn tuyệt đối khi thi công.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT; TCKT.

TM. HỘI ĐỒNG MUA SẮM
CHỦ TỊCH



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quang Hưng



DANH MỤC THÔNG SỐ, KỸ THUẬT

(Kèm theo Yêu cầu bảo giá số: 114/BVUB-HĐMS ngày 21 tháng 01 năm 2026)

I. Đối với vị trí sơn tường bị bong tróc, thấm tường:

STT	Vị trí sơn lại	ĐVT	Khối Lượng
Tầng Hầm			
1	Phòng điều trị yêu cầu 1: 2m*5m	m2	10
2	Phòng điều trị yêu cầu 2: 3m*0,5m	m2	1,5
3	Phòng điều trị yêu cầu 3: 6m*0,5m	m2	3
4	Chân tường khu máy SPECT/CT: 6m*0,5m	m2	3
5	Chân tường phòng Giao ban: 6m*0,5m	m2	3
6	Chân tường khu đón tiếp bệnh nhân: 15m*0,5m	m2	7,5
7	Chân tường khu lắp đặt máy xạ trị: 15m*0,5m	m2	7,5
8	Phòng điều trị số 1: 6m*0,5m	m2	3
9	Phòng điều trị số 2: 6m*0,5m	m2	3
10	Phòng điều trị số 3: 6m*0,5m	m2	3
11	Chân tường khu điều trị yêu cầu: 15m*0,5m	m2	7,5
TẦNG 1			0
1	Hai bên hành lang khoa khám bệnh từ phòng 108 tới phòng phó trưởng khoa khoa khám bệnh: 18m*0,6m	m2	10,8
2	Phòng 107 khoa khám bệnh : 1,8*0,5	m2	0,9
3	Phòng làm việc của phòng công tác xã hội: 15m*1m	m2	15
4	Phòng làm việc của phụ trách phòng CTXH: 15m*1m	m2	15
5	Hành lang dọc khu B từ nhà vệ sinh chung đến Khoa Dược: 54m*0,6m	m2	32,4
6	Nhà vệ sinh chung khoa Cấp cứu tới cửa vào khoa Cấp cứu: 34,2m*1m	m2	34,2
7	Phòng nội soi phế quản khoa Cấp cứu: 6m*3,1m	m2	18,6
8	Mặt tiền khoa Cấp cứu, khoa Dược-VT YT	m2	100
9	Vệ sinh chung tầng 1 khu B: 3*5	m2	15
10	Bên trong Hội trường lớn Bệnh viện	m2	55
11	Bên ngoài Hội trường lớn	m2	100
12	Vách tường bao quanh hội trường lớn	m2	60
13	Vệ sinh chung tầng 1 khu B: 3*5	m2	15
14	Kho Vật tư y tế tầng2 khu B thuộc khoa Dược-VT YT	m2	20
TẦNG 2			0
1	Vách tường bao quanh hội trường lớn	m2	100
2	Hành lang trước cửa khoa và nhà vệ sinh chung khoa GPB-TB: 12,6m*0,6m	m2	7,56
3	Cuối hành lang khu B: 7,2m*1m	m2	7,2

STT	Vị trí sơn lại	ĐVT	Khối Lượng
4	Hành lang dọc khu B từ nhà vệ sinh chung đến gần khoa GPB: 42m*0,25m	m2	10,5
5	Hành lang nối giữa khu A và khu B: 40m*0,25m	m2	10
6	Hành lang khu A từ khoa SHVS đến căng tin : 16,2m*1,25m	m2	20,25
7	Nhà vệ sinh chung khu B: 2,4m*3,3m	m2	7,92
8	Hành lang trước thang máy A3,A4 khu A: 43,2m*0,5m	m2	21,6
9	Trước cửa phòng thay đồ Nữ khoa HH-SH-VS: 0,6*1	m2	0,6
10	Trước cửa phòng thay đồ Nam khoa HH-SH-VS: 0,6*1	m2	0,6
11	Hai bên chân nhà tắm nam, nữ khoa HH-SH-VS: (0,6*0,3)*2	m2	0,36
12	Hành lang khoa HH-SH-VS: 25*0,6	m2	15
TẦNG 3: KHOA PTGM-HS			0
1	Phòng yêu cầu 3: 6,6m*1,5m	m2	9,9
2	Hành lang bên ngoài nhà vệ sinh nam, nữ: 9m*1m	m2	9
3	Cửa phòng thay đồ nam, nữ của bác sĩ: 3m*0,1	m2	0,3
4	Hành lang ngoài phòng mổ(hành lang bản): 30m*1m	m2	30
TẦNG 3: KHOA ĐTTC			0
1	Phòng 303: 2,4m*1,5m	m2	3,6
2	Phòng 302: 3m*1,5m	m2	4,5
3	Hành lang sảnh chờ cạnh nhà vệ sinh chung: 70m*1m	m2	70
4	Nhà vệ sinh của nhân viên: 2m*1m	m2	2
TẦNG 4: KHOA NỘI 1			0
1	Phòng 437: 7,8m*2,8m	m2	21,84
2	Tường hành lang phía ngoài nhà vệ sinh khu A: 8,5m*2,5m	m2	21,25
3	Hành lang trước cửa phòng 437 đến phòng hành chính: 42m*1,5m	m2	63
4	Phòng 435: 15,6m*2,65m	m2	41,34
5	Phòng 432: 26,4m*1,5m	m2	39,6
6	Phòng 434: 18m*2,78m	m2	50,04
7	Hành lang dọc khu A: 60m*1,5m	m2	90
8	Hành lang dọc khu B: 134m*1,5m	m2	201
9	Phòng máy: 2,4m*2,7m	m2	6,48
10	Vị trí đặt thùng rác Khu A,B: (1,5*1)*2	m2	3
TẦNG 5: KHOA NGOẠI TỔNG HỢP			0
1	Phòng giao ban: 20m*1m	m2	20
2	Phòng ăn nhân viên: 2,4m*1m	m2	2,4
3	Phòng 501: 2,5m*0,1m	m2	0,25
4	Phòng 504: 2,5m*0,3m	m2	0,25
5	Hành lang dọc khu B: 52m*0,6m	m2	31,2
6	Phòng 502: 2,5m*0,1m	m2	0,25
7	Phòng 503: 2,5m*0,1m	m2	0,25
8	Phòng 504: 2,5m*0,1m	m2	0,25
9	Phòng 505: 2,5m*0,1m	m2	0,25

STT	Vị trí sơn lại	ĐVT	Khối Lượng
10	Phòng 506: 2,5m*0,1m	m2	0,25
11	Phòng 507: 2,5m*0,1m	m2	0,25
12	Phòng 508: 2,5m*0,1m	m2	0,25
13	Phòng 509: 2,5m*0,1m	m2	0,25
14	Phòng 510: 2,5m*0,1m	m2	0,25
15	Phòng 511: 2,5m*0,1m	m2	0,25
16	Phòng 512: 2,5m*0,1m	m2	0,25
17	Phòng 513: 2,5m*0,1m	m2	0,25
18	Phòng 514: 2,5m*0,1m	m2	0,25
19	Phòng 515: 2,5m*0,1m	m2	0,25
20	Phòng 516: 2,5m*0,1m	m2	0,25
21	Phòng 517: 2,5m*0,1m	m2	0,75
22	Sảnh giữa khu A-B: 114m*0,6m	m2	68,4
23	Hành lang trước phòng 520: 1,8m*1,7m	m2	3,06
24	Phòng 520: 3m*0,6m	m2	1,8
25	Phòng 522: 3m*0,6m	m2	1,8
26	phòng kho: 15m*1m	m2	15
27	Phòng 534: 22m*1m	m2	22
28	Phòng 545: 12m*1m	m2	12
29	Hành lang đối diện thang máy A3,A4: 16,2m*1,3m	m2	21,06
30	Hành lang sảnh chờ: 22,6m*1m	m2	22,6
TẦNG 6: TRỊ XẠ VÀ YHHN			0
1	Hành lang trước cửa 2 nhà vệ sinh khu C: 2,5m*1,5m	m2	3,75
2	Hành lang giữa phòng 641 và 643: 5,4m*1m	m2	5,4
3	Hành lang giữa phòng 643 và nhà vệ sinh: 5,4m*1m	m2	5,4
4	Hành lang giữa phòng kho và phòng bác sĩ: 3,6m*0,6m	m2	2,16
5	Phòng 624: 3m*0,6m	m2	1,8
6	Hành lang trước phòng 624: 1m*0,6m	m2	0,6
7	Hành lang trước phòng 614: 4,2m*0,6m	m2	2,52
8	Phòng 620: 1m*1m	m2	1
9	Phòng 618: 1m*1m	m2	1
10	Phòng 616: 1,8m*0,6m	m2	1,08
11	Hành lang từ phòng 614 đến phòng 624: 52m*0,6m	m2	31,2
12	Hành lang sảnh tròn: 6m*0,6m	m2	3,6
13	Phòng giao ban khu B, dọc phòng nhân viên: 14,4m*1m	m2	14,4
14	Phòng ăn nhân viên khu B: 9m*1m	m2	9
15	Hành lang khu B: 18m*0,8m	m2	14,4
16	Phòng 602: 3m*0,1m	m2	0,3
17	Phòng 608: 3m*0,1m	m2	0,3
18	Phòng 610: 3m*0,1m	m2	0,3
19	Hành lang trước phòng 608 đến nhà vệ sinh chung: 6m*0,6m	m2	3,6
TẦNG 7: KHOA NỘI 2			0

STT	Vị trí sơn lại	ĐVT	Khối Lượng
1	Hành lang từ phòng 735 đến phòng 741: 19,7m*0,8m	m2	15,76
2	hành lang phòng 732-734: 4,8m*1m	m2	4,8
3	Phòng 713: 3m*0,1m	m2	0,3
4	Phòng 703: 3m*0,1m	m2	0,3
5	Phòng 712: 3m*0,1m	m2	0,3
6	Phòng 716: 3m*0,1m	m2	0,3
7	Phòng 723: 3m*0,1m	m2	0,3
8	Phòng 725: 3m*0,1m	m2	0,3
9	Phòng 727: 3m*0,1m	m2	0,3
10	Phòng kho bản khu C(Hành chính khu A): 30m*3,5m	m2	105
TẦNG 8: KHOA NGOẠI VÚ-PK			0
1	Phòng trưởng khoa: 4,2m*0,65m	m2	2,73
2	Phòng giao ban : 5,4m*1m	m2	5,4
3	Phòng trực: 2,4m*1m	m2	2,4
4	Hành lang từ phòng trực đến phòng 824: 2m*0,6m	m2	1,2
5	Phòng 828: 1,75m*0,1m	m2	0,175
6	Phòng 826: 1,75m*0,1m	m2	0,175
7	Phòng 831: 1,75m*0,1m	m2	0,175
8	Phòng 824: 2,5m*0,1m	m2	0,25
9	Phòng 829: 1m*0,1m	m2	0,1
10	Phòng 822: 2m*0,1m	m2	0,2
11	Phòng 823: 1,5m*0,1m	m2	0,15
12	Phòng 825: 1,5m*0,1m	m2	0,15
13	Phòng 820: 1,5m*0,1m	m2	0,15
14	Phòng 821: 1,5m*0,1m	m2	0,15
15	Phòng 819: 2,5m*0,1m	m2	0,25
16	Phòng 818: 2,5m*0,1m	m2	0,25
17	Phòng 817: 2m*0,1m	m2	0,2
TẦNG 8: KHOA NGOẠI ĐMC			0
1	Phòng 813: 2,9m*4,8m	m2	13,92
2	Phòng 814: 2,9m*6,5m	m2	18,85
3	Hành lang trước phòng trực: 1,2m*2,5m	m2	3
4	Phòng cấp cứu: 0,5m*1,5m	m2	0,75
5	Phòng 802: 0,5m*0,5m	m2	0,25
6	Hành lang dọc phòng 801 đến 807: 5,5m* 0,6m	m2	3,3
7	Nhà vệ sinh phòng 801: 1,5m*0,1m	m2	0,15
8	Nhà vệ sinh phòng 806: 1,5m*0,1m	m2	0,15
9	Nhà vệ sinh phòng 808: 1,5m*0,3m	m2	0,15
TẦNG 9: KHOA CSGN			0
1	Hành lang giữa cạnh B: 2,95m*2,52m	m2	7,434
2	Hành lang giữa cạnh khu A: 2m*2,52m	m2	5,04

STT	Vị trí sơn lại	ĐVT	Khối Lượng
3	Hành lang cạnh trục điện nhẹ khu A: 2,36m*2,43m	m2	5,7348
4	Hành lang từ phòng 903 đến 914: 9,2m*0,6m	m2	5,52
GỜ LAN CAN và VỊ TRÍ PHÁT SINH			0
1	Gờ lan can toàn bộ các hành lang và một số vị trí phát sinh theo yêu cầu của Bệnh viện.	m2	200
Tổng diện tích mục II		m2	2.146

II. Vị trí tường cũ, ổ bần:

STT	Vị trí sơn lại	Đơn vị tính	Khối Lượng
1	Toàn bộ vách tường, trần từ hành lang tầng 1 đường xuống nhà ăn theo cầu thang bộ xuống tầng hầm và đầu tầng hầm.	m2	600
2	Bên trong Hội trường lớn Bệnh viện	m2	55
3	Bên ngoài Hội trường lớn	m2	60
Tổng diện tích mục II		m2	715

